

Bản án số: 13/2021/DS-ST

Ngày 08-06-2021

*“V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Vũ Văn Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Phạm Xuân Đức và ông Phan Hữu Tỷ.

*Thư ký phiên tòa:* ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:*** bà Cao Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-DS, ngày 26/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2021/QĐST-DS, ngày 21/5/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Trần Đức H; địa chỉ: thôn 2 (Bon B), xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: thôn N, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đăk Nông; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 30/11/2020). Có mặt.

2. *Bị đơn:* ông Hoàng Văn H1; địa chỉ thường trú: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; địa chỉ hiện nay: 43R8 H, phường 9, quận P, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

3. *Những người làm chứng:*

- Ông Phạm Ngọc Th; địa chỉ: bon P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Vắng mặt

- Ông Vũ Văn H2; địa chỉ: bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Tr trình bày:* Ngày 06/12/2016 ông H cho ông Hoàng Văn H1 vay 380.000.000 đồng tại nhà ông H. Khi vay có lập giấy viết tay do ông H1 tự viết và ký tên. Sau khi ông H1 viết xong giấy vay tiền ông H đã giao đủ 380.000.000 đồng cho ông H1, các bên không thỏa thuận về tiền lãi, ông H1 hẹn 15 ngày sau sẽ trả. Khi giao nhận tiền chỉ có ông H và ông H1 không có ai làm chứng, ông H có nhờ ông Vũ Văn H2 là hàng xóm ký tên vào giấy vay tiền là người làm chứng nhưng không nhớ ông H2 có chứng kiến việc giao nhận tiền hay không. Khi vay tiền ông H1 có giao một bản sao bằng đại học, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 thẻ ngành Công an để làm tin; khoảng 01 đến 02 ngày sau ông H1 mượn lại chứng minh thư nhân dân và thẻ ngành để đáo hạn ngân hàng, còn bản sao bằng đại học ông H vẫn giữ. Đến hạn trả nợ, ông H đã nhiều lần gặp để yêu cầu ông H1 trả nợ, tuy nhiên ông H1 nhiều lần khất nợ, tránh né. Trong các năm 2017, 2018, 2019 ông H chủ yếu gọi điện để đòi nợ vì ông H1 đang công tác tại Trại giam Đ, bố vợ là Phó Công an xã, vợ là giáo viên nên ông H để cho ông H1 trả dần; ông H1 có hẹn trả hàng tháng 5 triệu nhưng không thực hiện. Khi biết ông H1 đã ly hôn nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H1 phải trả số tiền vay là 380.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông H1 rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi.

*- Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Hoàng Văn H1 trình bày:* Ông H1 quen biết với bà Nguyễn Thị Thùy Tr1 (vợ ông H), ngày 06/12/2016 do cần tiền để giải quyết việc gia đình nên ông H1 đến nhà ông H để vay tiền. Sau khi thỏa thuận ông H1 có viết giấy vay tiền và ký tên. Nội dung giấy vay tiền thể hiện ông H1 vay của ông H 380.000.000 đồng, hẹn 15 ngày sau sẽ trả. Tuy nhiên, sau khi viết giấy vay tiền thì ông H chưa giao tiền cho ông H1, kể từ thời điểm đó đến nay ông H chưa giao khoản tiền nào cho ông H1. Thời điểm ông H1 viết giấy thì ông H có gọi 1 người đến ký tên vào giấy vay nhưng ông H1 không biết là ai. Thời điểm vay ông H1 có để lại một bằng tốt nghiệp bản sao để làm tin. Ông H1 thừa nhận có viết giấy vay tiền và ký tên tuy nhiên ông H chưa giao số tiền 380.000.000 đồng cho ông H1 vì khi vay mượn từ trước đến nay ông H1 đều ghi rõ dòng chữ đã nhận đủ số tiền vay tại chỗ ký tên, nhưng giấy vay tiền của ông H không có dòng chữ này. Đồng thời, giấy vay tiền thể hiện thời hạn vay là 15 ngày nhưng từ năm 2016 ông H không đến để đòi nợ hay khởi kiện. Vì vậy, ông H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Kiểm sát quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết yêu cầu của đương sự: Giấy vay tiền ngày 06/12/2016 thể hiện nội dung ông H1 vay ông H 380.000.000 đồng, có chữ ký của ông H và ông H1; ông H1 có thừa nhận về việc viết và ký tên trong giấy vay tiền, không có chứng cứ chứng minh chưa nhận tiền của ông H. Yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận, buộc ông H1 phải trả cho ông H 380.000.000 đồng. Đối với phần tiền lãi nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện nên đề nghị đình chỉ xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và tiền lãi nên tranh chấp giữa các đương sự là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn cư trú tại Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H1 đã trình bày ý kiến, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự. Bà Nguyễn Thị Thùy Tr1 (vợ ông H) có văn bản trình bày số tiền 380.000.000 đồng là tài sản riêng của ông H, bà Tr1 không liên quan đến số tiền trên nên Tòa án không đưa bà Tr1 vào tham gia tố tụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông Trần Đức H và ông Hoàng Văn H1 thấy rằng: Giấy vay tiền ngày 06/12/2016 ký kết giữa ông H và ông H1 có ghi nhận nội dung ông H1 vay tiền ông H để giải quyết công việc gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H và ông H1 đều công nhận có thỏa thuận vay số tiền nêu trên; ông H1 thừa nhận là người tự viết và ký tên trong giấy vay tiền. Như vậy, ông H1 thỏa thuận vay ông H 380.000.000 đồng và ký kết giấy vay tiền ngày 06/12/2016 là có trên thực tế, các đương sự đều thừa nhận nên là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét quan điểm của bị đơn cho rằng chưa được nhận tiền thấy: Ông H1 thừa nhận có hỏi vay ông H 380.000.000 đồng, đã viết giấy vay tiền và ký tên bên vay. Tại thời điểm viết giấy vay tiền chỉ có ông H và ông H1, không có ai khác chứng kiến sự việc. Giấy vay tiền ngày 06/12/2016 có ghi nhận nội dung:

“Tôi có vay của ông Trần Đức H số tiền 380.000.000 (ba trăm tám mươi triệu đồng)...”. Nội dung cụm từ “Tôi có vay” đã thể hiện việc vay mượn tiền đã hoàn thành, ông H1 cho rằng chưa được nhận 380.000.000 đồng là có mâu thuẫn với nội dung giấy vay tiền; thời điểm vay tiền ông H1 đang công tác tại Trại giam Đ, hiểu biết về pháp luật nhưng từ ngày 06/12/2016 cho đến khi ông H khởi kiện thì ông H1 không có ý kiến hay phản ứng gì về việc chưa được nhận tiền vay và về giấy vay tiền đã viết và ký tên. Từ phân tích, đánh giá nêu trên có đủ căn cứ xác định ông H1 đã nhận 380.000.000 đồng, quan điểm của ông H1 là không có căn cứ và không phù hợp nên không được chấp nhận.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 380.000.000 đồng tiền gốc thấy: Giấy vay tiền ngày 06/12/2016 thể hiện ông H1 có vay ông H 380.000.000 đồng và hẹn trả trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày vay; thời hạn trả nợ đã quá hạn từ ngày 22/12/2016 nên ông H1 có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền trên theo thỏa thuận và theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận, buộc ông H1 phải trả cho ông H 380.000.000 đồng.

[5]. Đối với yêu cầu về tiền lãi: Tại phiên tòa ông Trần Đức H rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức H. Buộc ông Hoàng Văn H1 phải trả cho ông H 380.000.000 (ba trăm tám mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Trần Đức H về tiền lãi.

3. Về án phí: Buộc ông Hoàng Văn H1 phải chịu 19.000.000 (mười chín triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Đức H 9.500.000 (chín triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000922 ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký tên và đóng dấu)*

**Vũ Văn Tuấn**